

成人高等教育
毕业证书



批准文号: (83)教成字002号

注册号: 106915201006002123

学生 李少青 性别 女, 一九八九年
七月一日 日生, 于二〇〇八年三月
至二〇一〇年七月 在本校(院)

应用越南语 专业

业余 学习, 修完 专 科

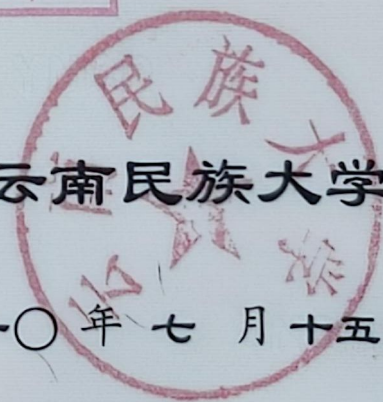
教学计划规定的全部课程, 成绩合格,
准予毕业。

校(院)长:



学校(院): 云南民族大学

二〇一〇年七月十五日



查询网址: <http://www.chsi.com.cn>; gjc.ynjy.cn



扫描全能王 创建

毕业证书



学生 李少青 性别 女，一九八九年 七 月 一 日生，于二〇一九
年 九 月至二〇二二年 七 月在本校 会计学
专业网络教育 专升本 科学习，修完教学计划规定的全部课程，成绩合
格，准予毕业。

校 名：



证书编号：101737202205013481

校 长：

方红星

二〇二二年 七 月 十 日



扫描全能王 创建

NEEA

全国计算机等级考试

一级合格证书

NEEA



李少青 参加 2009 年 3 月全国计算机等级考试
(一级 B), 成绩 合格, 特发此证。

证书编号: 13295202111467

身份证号: 533022198907013127

NATIONAL COMPUTER RANK EXAMINATION CERTIFICATE

This is to certify that the bearer has passed the National
Computer Rank Examination and has achieved the following
grade:

Grade: 1

ID Number: 533022198907013127

Certificate Number: 13295202111467

NATIONAL EDUCATION EXAMINATIONS AUTHORITY
THE MINISTRY OF EDUCATION OF CHINA

教育部考试中心

证书专用章

No. -10-D 00350604



扫描全能王 创建

职业技能等级证书

Certificate of Occupational Skill Level

本证书由 昆明市五华区三鉴职业技能培训学校 颁发，表明持证人通过本机构组织的职业技能等级认定，具备该职业（工种）相应技能等级水平。

This is to certify that the bearer has demonstrated corresponding competency in this occupation(job) for successful completion of the occupational skill level assessment organized by _____.

昆明市五华区三鉴职业技能培训学校
发证日期：2024年6月28日
Issue date: 2024.06.28

证书信息查询网址 (Certificate Information): <http://indj.osta.org.cn/>
机构信息查询网址 (Assessment Information): <http://pjjg.osta.org.cn/>



姓名: 李少青
Name: _____

证件类型: 居民身份证
ID Type: _____

证件号码: 533022198907013127
ID No.: _____

职业名称: 企业人力资源经理师
Occupation: _____

工种/职业方向: --
Job: _____

职业技能等级: 高级
Skill Level: _____

证书编号: S0000053000238243001237
Certificate No.: _____





HANOI UNIVERSITY

Km 9 Nguyen Trai Road, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam
Telephone: (84-4) 854 4338; Fax: (84-4) 854 4550
E-mail: hanu@hanu.vn; Website: www.hanu.vn

BẢNG ĐIỂM 越南语成绩表

Họ tên: Li Shaoqing Giới tính: Nữ (Nam)
姓名: 李少青 性别: 女(男)
Ngày sinh: 01.07.1989
出生日期: 1989.07.01
Thời gian đào tạo: Từ tháng 09 năm 2009 đến tháng 07 năm 2010
学习期限: 2009 年 09 月至 2010 年 07 月

Môn học 课程	Điểm 分数	Môn học 课程	Điểm 分数
Nghe hiểu tiếng Việt sơ trung cấp 越南语听力	93	Khẩu ngữ tiếng Việt cao cấp 高级越南语口语	97
Khẩu ngữ tiếng Việt sơ trung cấp 越南语口语	98	Đọc báo 越南语报刊	95
Đọc hiểu tiếng Việt sơ trung cấp 越南语阅读	92	Viết tiếng Việt cao cấp 高级越南语写作	95
Viết tiếng Việt sơ trung cấp 越南语写作	75	Thực hành dịch 越南语翻译	90
Tiếng Việt thương mại 商务越南语	95		

中文系主任


Nguyễn Ngọc Long

2010 年 06 月 09 日于河内
教务处处长



Đ. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO


Lê Quốc Hạnh



扫描全能王 创建

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
CHỨNG NHẬN
结业证书

留学生: 李少青

生于: 1989 年 07 月 01 日

国籍: 中国

于 2009 年 9 月 日至 2010 年 6 月 日
在我校学习越南语专业, 修完教学计划
规定的全部课程, 成绩合格, 准予结业。

Học viên: Ly Thieu Thanh

Sinh ngày: 01 tháng 07 năm 1989

Quốc tịch: **TRUNG QUỐC**

Đã hoàn thành khóa học Tiếng Việt
từ ngày tháng năm 2009 đến
ngày tháng 06 năm 2010
tại Trường Đại học Hà Nội.

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2010



Nguyễn Đình Luận



扫描全能王 创建

教育部公告【教学[2004]25号】：“中国高等教育学生信息网”（网址：<http://www.chsi.com.cn>）是我国高等教育学历证书查询的唯一网站，“全国高等学校学生信息咨询与就业指导中心”是教育部授权开展高等教育学历认证工作的专门机构。

中国高等教育学历认证报告

报告编号：**1966394**
2011-05-25
报告日期：

姓名：李少青，性别：女，生于 1989 年 07 月 01 日，2008 年就读于 云南民族大学，应用越南语 专业，学制 * 年，于 2010 年获得 成人 高等教育 专科 毕业证书，证书编号：106915201006002123。

以上学历情况属实，专此认证。报告编号：1966394。



报告说明：

- 1、报告持有人可以凭报告编号在中国高等教育学生信息网（<http://www.chsi.com.cn>）“学历认证”频道上核实报告的真实性的。
- 2、报告中如若出现“***”，是未经核实的内容。
- 3、核实报告内容最后部分机打报告编号与印刷的报告编号是否一致，如不一致，请与受理机构联系。

